

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HSST

Ngày: 25 – 4 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Đình.

Bà Nguyễn Thị Song Trà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trọng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Loan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2021/TLST-HS ngày 16/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2021/HSST-QĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đinh Duy D (Tên gọi khác: D), sinh ngày 02/8/1992 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Số 12/45 đường Chi L, phố Minh T, phường Quảng T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Duy X, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960; có vợ là Nguyễn Thị P, sinh năm 1994 và có 02 con tên là Đinh Thị Anh T, sinh năm 2015 và Đinh Thị Mỹ L, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-07-2020 đến ngày 13-7-2020 thay đổi biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Đức A (Tên gọi khác: C), sinh ngày 09/6/1993 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Phố Minh T, phường Quảng T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1962; có vợ là Đỗ Thị P, sinh năm 1995; có 02 con tên là

Trịnh Như Q, sinh năm 2014 và Trịnh Anh Q, sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04-7-2020 đến ngày 13-7-2020 thay đổi biện pháp tạm giữ bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Phan Thanh L, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Hải N, xã Bình T, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1978; trú tại: Số nhà 60-62 đường Lê Trung Đ, phường Nghĩa C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Anh Phạm Viết Trung K, sinh năm 1986; trú tại: Số nhà 272/20 đường Trần Hưng Đ, tổ 07, phường Nghĩa L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1987; trú tại: số 206/9 đường 2 tháng 4, phường Vạn H, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

+ Bà Đào Thị Thu H, sinh năm 1978; trú tại: Tổ 14, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963; trú tại: Số 85 đường Nguyễn Tự T, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1986; trú tại: Số 05 đường Nguyễn Tự T, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1972; trú tại: Hẻm 53 đường Quang T, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Lê Thị B, sinh năm 1974; trú tại: Xóm 02, thôn Hòa B, xã Nghĩa H, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Bùi Thị Quỳnh N, sinh năm 1973; trú tại: Số 23 đường Lê N, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 04, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chị Trương Thị Thúy K, sinh năm 1982; trú tại: Số 248 đường Trương Quang T, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Trương Thị Thu N, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 07, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 09, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi.

+ Bà Lê Thị A, sinh năm 1959; trú tại: Đường Võ T, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966; trú tại: Hẻm 53 đường Quang T, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- + Bà Phạm Thị H, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 09, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Bà Đỗ Thị Tố N, sinh năm 1970; trú tại: Tổ 09, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Bà Trần Thị T, sinh năm 1968; trú tại: Số 06 đường Võ T, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Mai Thị Lệ T, sinh năm 1984; trú tại: Số 20 đường Trần Tế X, phường Nghĩa L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1977; trú tại: Thôn Thống N, xã Tịnh Ấn T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1990; trú tại: Tổ 03, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Ông Võ Công B, sinh năm 1972; trú tại: Tổ 03, phường Quảng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 02, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1996; Hẻm 53 đường Quang T, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Phan Thị Ngọc A, sinh năm 1981; trú tại: Số 60 đường Nguyễn Chí T, phường Quảng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Bà Lê Thị D, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 01, phường Nghĩa L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Võ Thị Ngọc T, sinh năm 1997; trú tại: Số 170 đường Lê Hữu T, phường Nghĩa L, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Trịnh Thị Mỹ L, sinh năm 1981; trú tại: Số 47 đường Nguyễn Tự T, phường Trần Hưng Đ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Bạch Thị T, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Trường X, xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Anh Đỗ Ngọc V, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Trường X, xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Thọ Lộc Đ, xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Bà Nguyễn Thị T (Thu); sinh năm 1966; trú tại: Tổ 01, phường Lê Hồng P, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- + Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1983; trú tại: TDP Liên H 02, phường Trương Quang T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1969; trú tại: Thôn Năng T, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Bùi Thị H, sinh năm 1972; trú tại: Thôn Năng T 3, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Năng T, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Bùi Thị Thanh H, sinh năm 1979; trú tại: Thông 06, xã Đức C, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Điền H, xã Nghĩa Đ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1994; trú tại: Đội 07, xã Tịnh B, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Liên T, xã Bình H, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chị Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1985; trú tại: Thôn Đ, xã Tịnh S, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi

+ Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1983; trú tại: Thôn Long B, xã Bình L, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chị Lưu Thái H, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Hà T, xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

Tất cả đều vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 4 năm 2020, Đinh Duy D vào thành phố Quảng Ngãi để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Đến tháng 5/2020, thì Trịnh Đức A từ Thanh Hoá vào Quảng Ngãi và làm việc cùng Đinh Duy D, D trả lương cho A theo tháng với số tiền 5.000.000 đồng. Trịnh Đức A cho vay và thu nợ ở khu vực các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa. Đinh Duy D cho vay và thu nợ ở khu vực thành phố Quảng Ngãi. D và A có thể thay nhau đi thu nợ khi một trong hai hai người có việc bận. D và A đã sử dụng nhiều phương thức để dụ dỗ lôi kéo những người vay tiền bằng hình thức phát tờ rơi cho vay trả góp lãi suất thấp. Trên tờ rơi có số điện thoại 0919774012 của Đinh Duy D (D) và số điện thoại 0358810197 của Trịnh Đức A (C). Những người dân có nhu cầu vay tiền đã gặp và trao đổi trực tiếp về các điều khoản khi tiến hành vay nợ. Khi vay D và A yêu cầu người vay cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, lãi suất thỏa thuận bằng miệng, khoảng 0,65%/ngày (tương đương với 237,25%/năm), tiền góp hàng ngày Đinh Duy D cất giữ. Trịnh Đức A nhập số người vay, số tiền vay, tiền lãi,

tiền thu hàng ngày vào một File quản lý trên máy điện thoại di động của A và tiền lãi do Đinh Duy D cất giữ.

Với phương thức như trên Trịnh Đức A và Đinh Duy D đã cho nhiều người trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và các huyện lân cận vay. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi xác định: Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 7/2020, Đinh Duy D và Trịnh Đức A đã cho khoảng 40 người trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vay tiền với lãi suất dao động từ 0,67%/ngày đến 0,83%/ngày (tương đương với 245%/năm đến 303%/năm), cao gấp từ 12 đến 15 lần lãi suất quy định trong bộ luật dân sự 2015 (*Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày*). Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã làm việc được 40 người vay với tổng cộng 88 lượt vay, tổng số tiền cho vay là 707.500.000 (Bảy trăm linh bảy triệu bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền đã thu là 700.200.000 (Bảy trăm triệu, hai trăm nghìn) đồng. Tổng số tiền lãi đã thu 126.898.925 (Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm chín mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm) đồng. Trong đó lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 9.020.822 (Chín triệu không trăm hai mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai) đồng, lãi suất vượt mức quy định (Vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là 117.878.103 (Một trăm mười tám triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm tám mươi hai) đồng. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính là 117.878.103 (Một trăm mười tám triệu, bảy trăm bốn mươi một nghìn, ba trăm tám mươi hai) đồng và tiền phụ thu là 27.150.000 (hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng; danh sách 40 người vay tiền và các lượt vay của Đinh Duy D, cụ thể:

1. Đào Thị Thu H (SN: 1978; HKTT: Tổ 14, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 7.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.166.667 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 95.891 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.070.776 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 4.166.667 đồng.

2. Nguyễn Thị D (SN: 1963; HKTT: 85 Nguyễn Tự T, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay là 8.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 5.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 866,667 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 56.987 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định 809.680 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.666.667 đồng.

3. Nguyễn Thị Hồng T (SN: 1986; HKTT: 05 Nguyễn Tự T, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng tiền vay là 10.000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là: 8.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 115.069 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định 1.284.931 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.000.000 đồng.

4. Ngô Thị Tuyết N (SN: 1972; HKTT: Hẻm 53 Quang T, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 6.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 84.932 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.115.068 đồng.

5. Lê Thị B (SN: 1974; HKTT: Xóm 2, thôn Hòa B, xã Nghĩa H, huyện Tư Nghĩa), vay 01 lần với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 37.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 7.200.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 509.589 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.690.411 đồng.

6. Bùi Thị Quỳnh N (SN: 1973; HKTT: 23 Lê Ngung, phường Trần Hưng Đ, TP Q Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 164.384 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.835.616 đồng.

7. Nguyễn Thị C (SN: 1967; HKTT: Tổ 4, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.400.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 169.863 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.230.137 đồng.

8. Trương Thị Thúy K (SN: 1982; HKTT: 248 Trương Quang T, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi), vay 02 lần với tổng số tiền vay là 6.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 7.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 78.902 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.121.098 đồng.

9. Trương Thị Thu N (SN: 1967; HKTT: Tổ 7, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay là 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 8.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.333.333 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 109.589 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.223.744 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.333.333 đồng.

10. Nguyễn Thị N (SN: 1966; HKTT: Tổ 9, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 20.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.870.968 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 273.973 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.596.995 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.870.968 đồng.

11. Lê Thị A (SN: 1959; HKTT: Đường Võ Tùng, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay là 5.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 3.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 658.065 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 46.575 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 611.489 đồng. Tiền gốc người vay còn phải

trả là 2.258.065 đồng.

12. Nguyễn Thị M (SN: 1966; HKTT: Hẻm 53 Quang T, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 03 lần với tổng số tiền vay là 22.5000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 18.900.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là: 3.150.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 258.905 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.891.095 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 6.750.000 đồng.

13. Phạm Thị Phương H (SN:1969; HKTT: Tổ 9, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 18.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.638.710 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 257.534 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.381.176 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 4.838.710 đồng.

14. Đỗ Thị Tố N (SN:1970; HKTT:, Tổ 9, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 12.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 164.384 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.835.616 đồng.

15. Trần Thị T (SN: 1968; HKTT: 06 Võ T, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 8.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.703.226 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 120.548 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.582.677 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 2.903.226 đồng.

16. Mai Thị Lệ T (SN: 1984; Tạm trú: 20 Trần Tế X, phường Nghĩa L, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 7.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.233.333 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 101.370 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.131.963 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.833.333 đồng.

17. Nguyễn Thị Tuyết N (SN: 1977; HKTT: Thôn Thống N, xã Tịnh Ấn T, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 04 lần với tổng số tiền vay 40.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 38.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 7.509.678 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 531.507 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 6.978.171 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 8.709.677 đồng.

18. Nguyễn Văn P (SN: 1990: HKTT: Tổ 3, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi) vay 04 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 7.900.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.529.033 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 108.220 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.420.813 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.629.033 đồng.

19. Võ Công B (SN: 1972; HKTT: Tổ 3, phường Quảng P, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 9.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.896.774 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 134.238 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.762.527 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 2.096.774 đồng.

20. Huỳnh Tấn H (SN: 1968; HKTT: Tổ 2, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 10.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.051.613 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 145.206 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.906.407 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 1.451.613 đồng.

21. Nguyễn Thị Kim C (SN: 1996; HKTT: Hẻm 53 Quang T, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 5.000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 82.193 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 917.808 đồng.

22. Phan Thị Ngọc A (SN: 1981; HKTT: 60 Nguyễn Chí T, phường Quảng P, TP Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng với lãi suất 0,67%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 36.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 6.000.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 493.151 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 5.506.849 đồng.

23. Lê Thị D (SN: 1967; HKTT: Tổ 1, phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 6.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 7.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.500.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 89.630 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.401.370 đồng.

24. Võ Thị Ngọc T (SN: 1997; HKTT: 170 Lê Hữu T, phường Nghĩa L, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 16.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.174.194 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 224.658 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.949.536 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 6.774.194 đồng.

25. Trịnh Thị Mỹ L (SN: 1981; HKTT: 47 Nguyễn Tự T, phường Trần Hưng Đ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 04 lần với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 25.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 4.180.645 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 295.892 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.884.753 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 2.580.642 đồng.

26. Bạch Thị T (SN: 1990; HKTT: Thôn Trường X, xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 5.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã

trả là 833.333 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 54.795 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 778.539 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 5.833.333 đồng.

27. Đỗ Ngọc V (SN: 1979; HKTT: Thôn Trường X, xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 20.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.948.387 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 279.452 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.668.935 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.548.387 đồng.

28. Phạm Thị T (SN: 1984; HKTT: Thôn Thọ Lộc Đ, xã Tịnh H, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 5.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 3.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 696.774 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 49.315 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 647.459 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 2.096.774 đồng.

29. Nguyễn Thị T (Thu) (SN: 1966; HKTT: Tổ 1, phường Lê Hồng P, TP Quảng Ngãi) vay 04 lần với tổng số tiền vay 20.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 22.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 4.258.065 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 301.371 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.956.693 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 2.258.065 đồng.

30. Nguyễn Thị V (SN: 1983; HKTT: Liên H 2A, phường Trương Quang T, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 30.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 27.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 5.341.935 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 378.083 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 4.963.853 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 7.741.935 đồng.

31. Đặng Thị T (SN: 1969; HKTT: Thôn Năng T, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) vay 03 lần với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 14.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.748.378 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 194.522 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.553.866 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.548.387 đồng.

32. Bùi Thị H (SN: 1972; HKTT: Thôn Năng T 3, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 8.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.664.516 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 117.809 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.586.707 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.064.516 đồng.

33. Nguyễn Thị H (SN: 1976; HKTT: Thôn Năng T, xã Nghĩa T, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) vay 03 lần với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 13.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã

trả là 2.632.258 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 186.302 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.445.956 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 3.870.968 đồng.

34. Bùi Thị Thanh H (SN: 1979; HKTT: Thôn 6, xã Đức C, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 11.400.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 2.206.452 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 156.164 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 2.050.287 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 5.806.452 đồng.

35. Huỳnh Thị H (SN: 1976; HKTT: Thôn Diên H, xã Nghĩa Đ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 15.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 18.600.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 3.600.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 254.795 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 3.345.205 đồng.

36. Nguyễn Thị B (SN: 1994; HKTT: Đội 7, xã Tịnh B, huyện Sơn T, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 8.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.703.226 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 120.548 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.582.677 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 2.903.226 đồng.

37. Lê Thị D (SN: 1976; HKTT: Thôn Liên T, xã Bình H, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) vay 06 lần với tổng số tiền vay 100.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 105.000.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 17.500.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 1.150.686 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 16.349.314 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 12.500.000 đồng.

38. Ngô Thị Thúy H (SN: 1985; HKTT: Thôn Đ, xã Tịnh S, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi) vay 01 lần với tổng số tiền vay 5.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 6.200.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.200.000 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 84.630 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.115.068 đồng.

39. Huỳnh Thị C (SN: 1983; HKTT: Thôn Long B, xã Bình L, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) vay 08 lần với tổng số tiền vay 80.000.000 đồng với lãi suất 0,83%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 84.500.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 14.083.333 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 926.029 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 13.157.305 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là 9.583.333 đồng.

40. Lưu Thái H (SN: 1986; HKTT: Thôn Hà T, xã Tịnh H, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi) vay 02 lần với tổng số tiền vay 10.000.000 đồng với lãi suất 0,77%/ngày. Tổng số tiền đã trả là 7.800.000 đồng, trong đó tổng tiền lãi đã trả là 1.509.677 đồng, số tiền lãi thu theo quy định của pháp luật là 106.850 đồng, số tiền lãi vượt mức quy định là 1.402.828 đồng. Tiền gốc người vay còn phải trả là

3.709.677 đồng.

Đối với những người vay còn lại có tên và số điện thoại trong bảng kê tính tiền của Trịnh Đức A. Cơ quan điều tra đã tiến hành liên hệ nhưng không liên lạc được và không xác định được địa chỉ của người vay nên Cơ quan điều tra không làm việc được. Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã gửi công văn đến Công ty Viễn thông Viettel và Mobifone chi nhánh Quảng Ngãi để xác định chủ thuê bao số điện thoại của những người vay có trong bảng tính nhưng không có kết quả trả lời.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi đã thu giữ các tài liệu, đồ vật gồm:

- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím, màu màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 357678103505691 là phương tiện Trịnh Đức A dùng liên lạc với người vay.

- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đã qua sử dụng có số IMEI 3592340621575 là phương tiện Trịnh Đức A dùng lưu bảng tính tiền người vay.

- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu đỏ đã qua sử dụng có số IMEI 35301292510527 của Đinh Duy D.

- + 01 chiếc xe mô tô hiệu SUZUKI Axelo, màu đỏ đen, biển số: 79N1-466.80 số máy: F4CB101455; số khung: RLSBF4510D0101523, là chiếc xe Đinh Duy D sử dụng làm phương tiện thu tiền của những người vay. Qua tra cứu tại Phòng PC08 Công an tỉnh Quảng Ngãi chủ sở hữu chiếc xe mô tô (Có đặc điểm như trên) là chị Nguyễn Thị Mỹ P (SN: 1987; HKTT: 206/9 Đường 2 tháng 4, Phường Vạn H, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa). Ngày 28/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi ra Quyết định ủy thác điều tra số: 700/CSĐT đến Cơ quan CSĐT Công an TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để làm việc với chị Nguyễn Thị Mỹ P về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên. Đồng thời, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã tra cứu thông tin chiếc xe trên tại Phòng PC01 Công an tỉnh Quảng Ngãi, Ngày 29/7/2020, Phòng PC01 Công an tỉnh Quảng Ngãi có kết quả tra cứu chiếc xe mô tô trên không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Đến nay, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi chưa nhận được công văn trả lời của Cơ quan CSĐT Công an TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa về việc đã làm việc được với chị Nguyễn Thị Mỹ Phương hay chưa. Vì thời hạn điều tra vụ án đã hết nên Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã xử lý vật chứng chiếc xe mô tô trên bằng hình thức tách chiếc xe mô tô hiệu SUZUKI Axelo, màu đỏ đen, biển số: 79N1-466.80 số máy: F4CB101455; số khung: RLSBF4510D0101523 ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

- + 01 (Một) xe mô tô hiệu HONDA Air Blade, màu đỏ đen, số khung RLHJA3647GY030105, số máy JA36E-0461461, BKS 76Ca-470.57, đây là xe mà bị can Trịnh Đức Anh sử dụng làm phương tiện đi cho người dân vay tiền. Qua xác minh chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Viết Trung K (SN: 1986, HKTT: Tổ 07, phường Nghĩa L, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi). Cơ quan điều tra đã

trả lại xe cho anh Phạm Viết Trung K.

+ Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bị cáo D.

+ Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam: 6.450.000đ (Sáu triệu bốn trăm năm chục nghìn đồng) của bị cáo A.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo Đinh Duy D tự nguyện nộp số tiền 60.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tiền số AA/2010/06566 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi nhằm mục đích khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra.

Bản cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Đinh Duy D và Trịnh Đức A về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Đinh Duy D từ 09 đến 12 tháng tù; áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, 35, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trịnh Đức A từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- *Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước*: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím, màu màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 357678103505691 là phương tiện Trịnh Đức A dùng liên lạc với người vay và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đã qua sử dụng có số IMEI 3592340621575 là phương tiện Trịnh Đức A dùng lưu bảng tính tiền người vay.

- Riêng đối với chiếc xe mô tô hiệu SUZUKI AXELO, màu đỏ đen, biển số: 79N1- 466.80 số máy: F4CB101455; số khung: RLSBF4510D0101523, là chiếc xe Đinh Duy D sử dụng làm phương tiện thu tiền của những người vay, hiện nay chưa xác định được rõ nguồn gốc, quá trình sử dụng, do đó cần tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 1.550.000 đồng của bị can D và 6.450.000 đồng của bị can A.

- Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép là 9.020.822 (*Chín triệu, không trăm hai mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai*) đồng là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có đề nghị tuyên truy thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 117.878.103 đồng là tiền thu lãi vượt quá quy định cho phép và số tiền 27.150.000 đồng là tiền phí bị cáo thu của người vay là không hợp pháp nên đề nghị tuyên buộc bị cáo trả lại cho những người vay.

- Đối với số tiền 707.500.000 đồng mà bị cáo đã cho vay đây là số tiền dùng làm phương tiện phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, tính đến thời điểm bị cáo bị phát

hiện hành vi phạm tội, số tiền gốc mà bị cáo đã cho vay mới thu hồi được 573.301.075 đồng đề nghị tuyên truy thu số tiền 573.301.075 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả đủ là 134.198.952 đồng buộc những người vay phải nộp lại nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều thông nhất với luận tội của Kiểm sát viên về tội danh truy tố, về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp. Hiện nay bị cáo D không có việc làm ổn định, còn có con nhỏ nên đã vay mượn tiền để có nguồn vốn cho người khác vay lại lấy tiền lãi sinh sống, nhưng nay số tiền cho vay đã không còn, gia đình hết sức khó khăn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức hành vi sai trái của mình, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất. Bị cáo Trịnh Đức A kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xử bị cáo bằng hình phạt tiền để bị cáo có điều kiện chăm sóc vợ, con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt (*Không có lý do*). Tuy nhiên những người nêu trên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 292, 293 và Điều 294 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Đinh Duy D và Trịnh Đức A đã khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án, nên có đủ cơ sở để xác định: Trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng

7/2020, Đinh Duy D và Trịnh Đức A đã cho 40 người trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và các huyện lân cận trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi vay tiền với 88 lượt vay, với lãi suất dao động từ 0,67%/ngày đến 0,83%/ngày (tương đương với 245%/năm đến 303%/năm), cao gấp từ 12 đến 15 lần lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 (*Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, tức là không được vượt quá 0,0548%/ngày*). Tổng số tiền cho vay là 707.500.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo đã thu được từ những người vay là 700.200.000 đồng, gồm có số tiền gốc đã thu là 573.301.075 đồng, tiền lãi đã thu 126.898.925 đồng. Trong số tiền lãi 126.898.925 đồng đã thu từ những người vay thì lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự là 9.020.822 đồng, lãi suất vượt mức quy định (Vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay) là 117.878.103 đồng. Như vậy, các bị cáo đã thu lợi bất chính là 117.878.103 đồng và tiền phí phụ thu là 27.150.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo thỏa mãn các dấu hiệu của tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định Cáo trạng số 106/CT-VKS ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Đinh Duy D và Trịnh Đức A là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Các bị cáo Đinh Duy D, Trịnh Đức A là những người có năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, muốn kiếm tiền một cách bất chính nên bị cáo đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn vì phải trả lãi suất quá cao, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm minh để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm. Tuy nhiên, từng bị cáo đã thể hiện vai trò đồng phạm khác nhau nên cần phải phân định rõ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo nhằm để phân hóa tội phạm và quyết định hình phạt tương xứng với động cơ, mục đích và tính chất hành vi của từng bị cáo, cụ thể:

Số tiền cho vay là 707.500.000 đồng là của bị cáo Đinh Duy D và toàn bộ số tiền gốc, lãi đã thu được trong quá trình cho vay bị cáo Trịnh Đức A cũng giao lại cho D, D là người trực tiếp và hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng, A chỉ là người làm thuê với vai trò là người giúp sức và được D trả tiền công hàng tháng. Vì vậy, trách nhiệm hình sự của bị cáo A cũng nhẹ hơn so với D; đồng thời về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp (buộc truy thu nộp Ngân sách Nhà nước, trả lại cho người đã vay...) cũng chỉ đặt ra đối với bị cáo D.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

[5.2] Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Đinh Duy D: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp số tiền 60.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự để khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với bị cáo Trịnh Đức A: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thực hiện xong nghĩa vụ quân sự nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5.3] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Sau khi phân tích động cơ, mục đích, tính chất của hành vi phạm tội, trên cơ sở xem xét, cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Trịnh Đức A thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người giúp sức cho bị cáo D, bị cáo A có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 và 01 tình tiết quy định tại khoản 2 Điều 51, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 điều 52, đủ điều kiện để áp khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn đối với bị cáo A.

Bị cáo Đinh Duy D bị áp dụng các biện pháp tư pháp (*Buộc truy thu nộp Ngân sách Nhà nước, trả lại tiền cho người vay với số tiền lớn*). Do đó, không áp dụng thêm hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím, màu màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 357678103505691 là phương tiện Trịnh Đức A dùng liên lạc với người vay.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đã qua sử dụng có số IMEI 3592340621575 là phương tiện Trịnh Đức A dùng lưu bằng tiền tiền người vay.

Đây là những phương tiện mà các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội và còn giá trị sử dụng. Do đó, cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu đỏ đã qua sử dụng có số IMEI 35301292510527 của Đinh Duy D, qua điều tra, xác minh, làm rõ D không sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đinh Duy D là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ 01 (Một) xe mô tô hiệu HONDA Air Blade, màu đỏ đen, số khung RLHJA3647GY030105, số máy JA36E-0461461, BKS 76Ca-470.57, đây là xe mà bị can Trịnh Đức A sử dụng làm phương tiện đi cho người dân vay tiền. Qua xác minh chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Viết Trung K (SN: 1986, HKTT: Tổ 07, phường Nghĩa L, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi), anh K cho Trịnh Đức A mượn nhưng không biết Anh sử dụng làm phương tiện để đi cho vay lãi nặng. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Phạm Viết Trung K là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Riêng đối với chiếc xe mô tô hiệu SUZUKI AXELO, màu đỏ đen, biển số: 79N1- 466.80 số máy: F4CB101455; số khung: RLSBF4510D0101523, là chiếc xe Đinh Duy D sử dụng làm phương tiện thu tiền của những người vay. Qua tra cứu tại Phòng PC08 Công an tỉnh Quảng Ngãi chủ sở hữu chiếc xe mô tô (Có đặc điểm như trên) là chị Nguyễn Thị Mỹ P (SN: 1987; HKTT: 206/9 Đường 2 tháng 4, Phường Vạn H, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa). Ngày 28/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi ra Quyết định ủy thác điều tra số: 700/CSĐT đến Cơ quan CSĐT Công an TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để làm việc với chị Nguyễn Thị Mỹ P về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên. Đồng thời, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi đã tra cứu thông tin chiếc xe trên tại Phòng PC01 Công an tỉnh Quảng Ngãi, Ngày 29/7/2020, Phòng PC01 Công an tỉnh Quảng Ngãi có kết quả tra cứu chiếc xe mô tô trên không có trong dữ liệu xe máy vật chứng. Đến nay, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi chưa nhận được công văn trả lời của Cơ quan CSĐT Công an TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa về việc đã làm việc được với chị Nguyễn Thị Mỹ P hay chưa. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi tiếp tục xác minh, điều tra khi nào có đủ căn cứ thì xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với số tiền lãi pháp luật cho phép là 9.020.822 đồng là số tiền phát sinh từ việc phạm tội mà có. Do đó, cần truy thu từ các bị cáo để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 27.150.000 đồng là số tiền phí bị cáo thu của người vay là không hợp pháp, nên phải trả lại cho những người vay.

- Đối với số tiền 707.500.000 đồng mà bị cáo D đã cho vay đây là số tiền riêng của bị cáo D dùng làm phương tiện phạm tội. Tuy nhiên, tính đến thời điểm bị phát hiện hành vi phạm tội, số tiền gốc mà bị cáo D đã cho vay mới thu hồi được 573.301.075 đồng. Do đó, cần phải truy thu đối với bị cáo D số tiền 573.301.075 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc mà những người vay chưa trả đủ là 134.198.952 đồng buộc những người vay nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 117.878.103 đồng là tiền thu lãi vượt quá quy định cho phép. Do đó, cần phải buộc bị cáo phải trả lại cho người vay.

Tiếp tục tạm giữ để đảm thi hành án số tiền số tiền 1.550.000 đồng của bị cáo D theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 01/7/2020 giữ phòng PC02 – Công an tỉnh Quảng Ngãi với bị cáo Đinh Duy D; số tiền 6.450.000 đồng của bị cáo A

theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 01/7/2020 giữa phòng PC02 – Công an tỉnh Quảng Ngãi với bị cáo Trịnh Đức A và số tiền 60.000.000 đồng bị cáo D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tiền số AA/2010/06566 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[7] Do hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo hiện nay khó khăn, bị áp dụng biện pháp tư pháp tịch thu toàn bộ số tiền gốc, lãi do giao dịch dân sự không hợp pháp nên không áp dụng thêm hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên: Về tội danh, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[10] Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Đinh Duy D phạm tội: *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Duy D 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 04-7-2020 đến ngày 13-7-2020.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Trịnh Đức A phạm tội: *“Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”*.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đức A số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng để nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Đinh Duy D nộp tổng số tiền 582.321.897 đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Đinh Duy D phải trả lại số tiền (phí phụ thu) 27.150.000 đồng, cho những người vay gồm: Bà Đào Thị Thu H 400.000 đồng, bà Nguyễn Thị D 200.000 đồng, bà Nguyễn Thị Hồng T 400.000 đồng, bà Ngô Thị Tuyết N 200.000 đồng, bà Lê Thị B 1.000.000 đồng, bà Bùi Thị Quỳnh N 400.000 đồng, bà Nguyễn Thị C 400.000 đồng, bà Trương Thị Thúy K 300.000 đồng, bà Trương

Thị Thu N 400.000 đồng, bà Nguyễn Thị N 400.000 đồng, bà Lê Thị A 50.000 đồng, bà Nguyễn Thị M 900.000 đồng, bà Phạm Thị Phương H 800.000 đồng, bà Đào Thị Tổ N 400.000 đồng, bà Trần Thị T 100.000 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết N 1.600.000 đồng, anh Nguyễn Văn P 400.000 đồng, ông Võ Công B 400.000 đồng, ông Huỳnh Tấn H 400.000 đồng, bà Nguyễn Thị Kim C 200.000 đồng, bà Phan Thị Ngọc Á 1.200.000 đồng, bà Lê Thị D 250.000 đồng, bà Võ Thị Ngọc T 800.000 đồng, bà Trịnh Thị Mỹ L 800.000 đồng, ông Đỗ Ngọc V 800.000 đồng, bà Phạm Thị T 200.000 đồng, bà Nguyễn Thị T 800.000 đồng, bà Nguyễn Thị V 1.100.000 đồng, bà Đặng Thị T 600.000 đồng, bà Bùi Thị H 400.000 đồng, bà Nguyễn Thị H 600.000 đồng, bà Huỳnh Thị H 600.000 đồng, bà Nguyễn Thị B 400.000 đồng, bà Lê Thị D 4.400.000 đồng, bà Huỳnh Thị C 3.750.000 đồng, bà Lưu Thị H 400.000 đồng, bà Bạch Thị T 500.000 đồng, bà Ngô Thị Thúy H 200.000 đồng.

- Buộc bị cáo Đinh Duy D phải trả lại tổng số tiền 117.878.103 đồng cho những người vay, cụ thể trả lại cho những người vay và số tiền như sau: Bà Đào Thị Thu H 1.070.776 đồng, bà Nguyễn Thị D 809.680 đồng, bà Nguyễn Thị Hồng T 1.284.931 đồng, bà Ngô Thị Tuyết N 1.115.068 đồng, bà Lê Thị B 6.690.411 đồng, bà Bùi Thị Quỳnh N 1.835.616 đồng, bà Nguyễn Thị C 2.230.137 đồng, bà Trương Thị Thúy K 1.121.098 đồng, bà Trương Thị Thu N 1.223.744 đồng, bà Nguyễn Thị N 3.596.995 đồng, bà Lê Thị A 611.489 đồng, bà Nguyễn Thị M 2.891.095 đồng, bà Phạm Thị Phương H 3.381.176 đồng, bà Đỗ Thị Tổ N 1.835.616 đồng, bà Trần Thị T 1.582.677 đồng, bà Mai Thị Lệ T 1.131.963 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết N 6.978.171 đồng, anh Nguyễn Văn P 1.420.813 đồng, ông Võ Công B 1.762.527 đồng, ông Huỳnh Tấn H 1.906.407 đồng, bà Nguyễn Thị Kim C 917.808 đồng, bà Phan Thị Ngọc Á 5.506.849 đồng, bà Lê Thị D 1.401.370 đồng, bà Võ Thị Ngọc T 2.949.536 đồng, bà Trịnh Thị Mỹ L 3.884.753 đồng, bà Bạch Thị T 778.539 đồng, bà Đỗ Ngọc V 3.668.935 đồng, bà Phạm Thị T là 647.459 đồng, bà Nguyễn Thị T 3.956.693 đồng, bà Nguyễn Thị V 4.963.853 đồng, bà Đặng Thị T 2.553.866 đồng, bà Bùi Thị H 1.586.707 đồng, bà Nguyễn Thị H 2.445.956 đồng, bà Bùi Thị Thanh H 2.050.287 đồng, bà Huỳnh Thị H 3.345.205 đồng, bà Nguyễn Thị B 1.582.677 đồng, bà Lê Thị D 16.349.314 đồng, bà Ngô Thị Thúy H 1.115.068 đồng, bà Huỳnh Thị C 13.157.305 đồng, bà Lưu Thái H 1.402.828 đồng.

- Buộc những người vay phải trả lại tổng số tiền nợ gốc chưa trả đủ là 134.198.952 đồng để nộp vào Ngân sách Nhà nước, người trả và số tiền trả như sau: Bà Đào Thị Thu H 4.166.667 đồng, bà Nguyễn Thị D 3.666.667 đồng, bà Nguyễn Thị Hồng T 3.000.000 đồng, bà Trương Thị Thu N 3.333.333 đồng, bà Nguyễn Thị N 3.870.968 đồng, bà Lê Thị A 2.258.065 đồng, bà Nguyễn Thị M 6.750.000 đồng, bà Phạm Thị Phương H 4.838.710 đồng, bà Trần Thị T 2.903.226 đồng, bà Mai Thị Lệ T 3.833.333 đồng, bà Nguyễn Thị Tuyết N 8.709.677 đồng, anh Nguyễn Văn P 3.629.033 đồng, ông Võ Công B 2.096.774 đồng, ông Huỳnh

Tân H 1.451.613 đồng, bà Võ Thị Ngọc T 6.774.194 đồng, bà Trịnh Thị Mỹ L 2.580.642 đồng, bà Bạch Thị T 5.833.333 đồng, ông Đỗ Ngọc V 3.548.387 đồng, bà Phạm Thị T 2.096.774 đồng, bà Nguyễn Thị T 2.258.065 đồng, bà Nguyễn Thị V 7.741.935 đồng, bà Đặng Thị T 3.548.387 đồng, bà Bùi Thị H 3.064.516 đồng, bà Nguyễn Thị H 3.870.968 đồng, bà Bùi Thị Thanh H 5.806.452 đồng, bà Nguyễn Thị B 2.903.226 đồng, bà Lê Thị D 12.500.000 đồng, bà Huỳnh Thị C 9.583.333 đồng, bà Lưu Thái H 3.709.677 đồng.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia loại bàn phím, màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 357678103505691 và 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone, màu xám đã qua sử dụng có số IMEI 3592340621575.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2021 giữa Cơ quan điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

+ Tiếp tục tạm giữ để đảm thi hành án số tiền số tiền 1.550.000 đồng của bị cáo D theo Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 01/7/2020 giữa phòng PC02 – Công an tỉnh Quảng Ngãi với bị cáo Đinh Duy D; số tiền 6.450.000 đồng của bị cáo A theo biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 01/7/2020 giữa phòng PC02 – Công an tỉnh Quảng Ngãi với bị cáo Trịnh Đức A và số tiền 60.000.000 đồng bị cáo D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi theo biên lai thu tiền số AA/2010/06566 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Đinh Duy D và Trịnh Đức A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/4/2022). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Các bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn